Khách quốc tế đến Việt Nam

Đơn vị tính: *Nghìn lượt người*

	Ước tính tháng 1 năm 2018	Tháng 1 năm 2018 so với tháng 12 năm 2017 (%)	Tháng 1 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017 (%)
TỔNG SỐ	**1430.2**	**112.1**	**142.0**
Phân theo phương tiện đến			
Đường không	1151.0	111.9	137.8
Đường biển	34.7	122.6	189.5
Đường bộ	244.5	111.6	158.9
Phân theo một số nước và vùng lãnh thổ			
Châu Á	**1046.7**	**104.9**	**153.9**
CHND Trung Hoa	418.5	101.1	169.0
Hàn Quốc	316.3	123.0	184.0
Nhật Bản	71.8	103.9	108.2
Đài Loan	48.5	90.0	122.9
Ma-lai-xi-a	44.0	71.1	135.5
Thái Lan	32.3	96.9	111.3
Xin-ga-po	25.8	68.0	116.0
Cam-pu-chia	24.6	172.2	136.6
Phi-li-pin	13.1	109.3	132.8
Lào	9.3	103.4	87.8
In-đô-nê-xi-a	8.3	121.6	118.2
Đặc khu Hành chính Hồng Công (TQ)	5.6	110.7	186.8
Một số nước khác thuộc châu Á	28.6	122.4	126.6
Châu Mỹ	**97.7**	**136.6**	**107.7**
Hoa Kỳ	72.7	135.1	108.0
Ca-na-đa	16.3	128.4	104.0
Một số nước khác thuộc châu Mỹ	8.7	173.5	112.6
Châu Âu	**225.5**	**134.9**	**122.8**
Liên bang Nga	74.3	130.6	126.9
Vương quốc Anh	28.4	132.6	118.1
Pháp	26.7	133.7	123.4
Đức	21.0	126.7	114.2
Thụy Điển	10.6	220.1	123.7
I-ta-li-a	8.4	174.9	123.5
Hà Lan	7.0	121.8	107.5
Phần Lan	5.3	203.0	147.5
Đan Mạch	4.7	191.1	124.1
Tây Ban Nha	4.4	85.1	106.0
Thụy Sỹ	4.2	149.2	107.6
Na Uy	2.7	143.0	117.7
Bỉ	2.6	109.3	103.3
Một số nước khác thuộc châu Âu	25.1	128.5	133.7
Châu Úc	**55.3**	**153.6**	**113.5**
Ôx-trây-li-a	50.1	152.3	113.5
Niu-di-lân	5.0	169.7	112.2
Nước, vùng lãnh thổ khác thuộc châu Úc	0.2	115.6	198.6
Châu Phi	**5.0**	**124.7**	**125.8**